

UBND TỈNH LAI CHÂU
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lai Châu, ngày 03 tháng 7 năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH (QĐ 10/2026/QĐ-TTg)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Điều 1. Bổ sung một số điều của Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu	
	1. Bổ sung một số điểm của khoản 1 Điều 1 như sau: a) Bổ sung điểm d như sau: “d) Máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số”. b) Bổ sung điểm đ như sau: “đ) Máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số”.	Phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 1 Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg ngày 09/3/2026 của Thủ

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH (QĐ 10/2026/QĐ-TTg)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		tướng Chính phủ.
Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị 1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 3 như sau: a) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau: “4. Số lượng và mức giá của máy móc, thiết bị quy định tại Mục A, Mục B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này là mức tối đa; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng để quyết định số lượng và mức giá cụ thể. Đối với máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số quy định tại Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này (bao gồm cơ quan, người được phân cấp thẩm quyền quyết định) quyết định số lượng và mức giá; mức giá phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng.”.	2. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3 như sau: “Điều 3a. Phân cấp thẩm quyền quyết định số lượng và mức giá sử dụng máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số quy định tại Mục C phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ 1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định số lượng và mức giá máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số tại đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng và mức giá máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý. 3. Việc quyết định số lượng và mức giá máy móc, thiết bị quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải phù hợp với chức năng nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng, khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng, mức giá phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương	Phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH (QĐ 10/2026/QĐ-TTg)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	ứng và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về yêu cầu kỹ thuật cơ bản, cấu hình tối thiểu của máy móc, thiết bị”.	
Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị 3. Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5 như sau: “Điều 5a. Máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số 1. Đối với các chức danh tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị mà theo chức năng, nhiệm vụ được giao phải thường xuyên xử lý công việc có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước, ngoài việc được trang bị máy móc, thiết bị quy định tại Mục A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này thì được trang bị máy móc, thiết bị quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này; cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này (bao gồm cơ quan, người được phân cấp thẩm quyền quyết định) căn cứ vào khối lượng, tính chất của công việc chứa bí mật nhà nước để quyết định số lượng máy móc, thiết bị trang bị cho các chức danh để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước. 2. Đối với các trường hợp còn lại, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tính chất, mức độ bí mật của công việc theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, nhu cầu sử dụng, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này (bao gồm cơ quan, người được phân cấp thẩm quyền quyết định) quyết định số lượng máy móc, thiết bị quy định tại Mục	3. Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5 như sau: “Điều 5a. Phân cấp thẩm quyền quyết định số lượng và mức giá sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước trên môi trường số 1. Đối với các chức danh tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị mà theo chức năng, nhiệm vụ được giao phải thường xuyên xử lý công việc có nội dung thuộc phạm vi bí mật nhà nước, ngoài việc được trang bị máy móc, thiết bị quy định tại Mục A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định 10/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thì được trang bị máy móc, thiết bị quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ khối lượng, tính chất của công việc chứa bí mật nhà nước, cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng máy móc, thiết bị trang bị cho các chức danh để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý. 2. Đối với các trường hợp còn lại, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tính chất, mức độ bí mật của công việc theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, nhu cầu sử dụng, cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I và Chủ	Phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 10/2026/QĐ- TTg

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH (QĐ 10/2026/QĐ-TTg)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này cho các chức danh hoặc tại phòng làm việc của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước. 3. Mức giá của máy móc, thiết bị quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này là mức giá máy móc, thiết bị quy định tại Mục A, Mục B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này. Trường hợp cơ quan chủ trì triển khai xử lý hồ sơ công việc chứa bí mật nhà nước trên môi trường số yêu cầu trang bị máy móc, thiết bị (từ số thứ tự 1 đến số thứ tự 6) có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình mà có mức giá cao hơn và trường hợp trang bị máy móc, thiết bị tại số thứ tự 7, số thứ tự 8 Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này thì mức giá do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này (bao gồm cơ quan, người được phân cấp thẩm quyền quyết định) quyết định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng.”.	tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng máy móc, thiết bị quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg cho các chức danh hoặc tại phòng làm việc của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý để phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước. 3. Mức giá của máy móc, thiết bị quy định tại Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg là mức giá máy móc, thiết bị quy định tại Mục A, Mục B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg. Trường hợp cơ quan chủ trì triển khai xử lý hồ sơ công việc chứa bí mật nhà nước trên môi trường số yêu cầu trang bị máy móc, thiết bị (từ số thứ tự 1 đến số thứ tự 6) có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình mà có mức giá cao hơn mức giá tại Mục A, B Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg và trường hợp trang bị máy móc, thiết bị tại số thứ tự 7, số thứ tự 8 Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg thì mức giá do cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng đối với đơn vị mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.”.	
Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số quy định của Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị 2. Thay thế một số cụm từ như sau: b) Thay thế cụm từ “Mục A Phụ lục I, Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này” bằng cụm	Điều 2. Bổ sung, thay thế một số cụm từ của Quyết định số 103/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh về phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu	Phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH (QĐ 10/2026/QĐ-TTg)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
từ “Mục A, Mục C, Mục D Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này” tại khoản 1 Điều 4	1. Bổ sung cụm từ “được sửa đổi bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg” vào sau cụm từ “Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ” tại khoản 2 Điều 1. 2. Thay thế cụm từ “Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg” bằng cụm từ “Mục A Phụ lục kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg” tại Điều 3, Điều 4.	
	Điều 3. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thực hiện 1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2026. 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh thực hiện các quy định về yêu cầu kỹ thuật cơ bản, cấu hình tối thiểu của máy móc, thiết bị đầu cuối cơ bản phục vụ công việc thường xuyên trên môi trường số sau khi Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành văn bản hướng dẫn theo quy định tại Mục C Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. 3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.	Nội dung điều này được quy định nhằm xác định tính pháp lý của Quyết định đồng thời xác định thời điểm có hiệu lực của Quyết định

VĂN BẢN QPPL HIỆN HÀNH (QĐ 10/2026/QĐ-TTg)	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.	